TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 23/02/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ trình bày:

Chị và anh N chung sống vợ chồng năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/5/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh N lại ăn chơi, không lo cho gia đình, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh N không nghe, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không phù hợp, hạnh phúc gia đình không còn, không thể tiếp tục chung sống. Nay chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có một người con chung tên Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/2015, cháu D hiện do anh N nuôi dưỡng. Ly hôn chị đồng ý giao cháu D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Đ có đơn xin vắng mặt. Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đ và anh N theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ với anh N chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/5/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ với anh Nghĩa l hợp pháp. Chị Đ xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như trên, làm cho hạnh phúc gia đình không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh N. Nhưng anh N cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh N có một người con chung tên Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/2015.

Xét chị Đ yêu cầu giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng, thấy rằng: Cháu D hiện do anh N nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, anh N không phản đối yêu cầu của chị Đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu D, nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định không có tài sản chung và nợ chung; anh N không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/2015 cho anh Huỳnh Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Phạm Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002435 ngày 15/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị Đ thi hành xong án phí.

4. Chị Đ, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức